

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-SLĐTBXH

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO
VỀ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG NĂM.....

Kính gửi: - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
A	B	C	1	2
	I. THÔNG TIN CUNG LAO ĐỘNG			
	Số người từ 15 tuổi trở lên	<i>Người</i>		
a	Chia theo khu vực			
	- <i>Thành thị</i>	<i>Người</i>		
	- <i>Nông thôn</i>	<i>Người</i>		
b	Chia theo giới tính			
	- <i>Nam</i>	<i>Người</i>		
	- <i>Nữ</i>	<i>Người</i>		
2	Số người có việc làm	<i>Người</i>		
a	Chia theo khu vực			
	- <i>Thành thị</i>	<i>Người</i>		
	- <i>Nông thôn</i>	<i>Người</i>		
b	Chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật			
	- <i>Chưa qua đào tạo</i>	<i>Người</i>		
	- <i>CNKT không bằng</i>	<i>Người</i>		
	- <i>Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng</i>	<i>Người</i>		
	- <i>Sơ cấp</i>	<i>Người</i>		
	- <i>Trung cấp</i>	<i>Người</i>		
	- <i>Cao đẳng</i>	<i>Người</i>		
	- <i>Đại học</i>	<i>Người</i>		
	- <i>Trên đại học</i>	<i>Người</i>		
c	Chia theo vị thế việc làm			
	<i>Chủ cơ sở sản xuất kinh doanh</i>	<i>Người</i>		
	<i>Tự làm</i>	<i>Người</i>		
	<i>Lao động gia đình</i>	<i>Người</i>		
	<i>Làm công ăn lương</i>	<i>Người</i>		
3	Số người thất nghiệp	<i>Người</i>		
a	Chia theo khu vực			
	- <i>Thành thị</i>	<i>Người</i>		

	- Nông thôn	Người		
b	Chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật			
	- Chưa qua đào tạo	Người		
	- CNKT không bằng	Người		
	- Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng	Người		
	- Sơ cấp	Người		
	- Trung cấp	Người		
	- Cao đẳng	Người		
	- Đại học	Người		
	- Trên đại học	Người		
c	Chia theo thời gian thất nghiệp			
	- Dưới 3 tháng	Người		
	- Từ 3 tháng đến 1 năm	Người		
	- Trên 1 năm	Người		
4	Số người không tham gia hoạt động kinh tế	Người		
a	Đi học	Người		
b	Hưu trí	Người		
c	Nội trợ	Người		
d	Khuyết tật	Người		
e	Khác	Người		
5	Số người có nhu cầu đào tạo, giới thiệu việc làm	Người		
a	Số người có nhu cầu đào tạo	Người		
	- Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng	Người		
	- Sơ cấp	Người		
	- Trung cấp	Người		
	- Cao đẳng	Người		
	- Đại học	Người		
	- Trên đại học	Người		
b	Số người có nhu cầu giới thiệu việc làm	Người		
	- Thành thị	Người		
	- Nông thôn	Người		
II. THÔNG TIN CẦU LAO ĐỘNG				
1	Tổng số doanh nghiệp	DN		
2	Tổng số lao động	Người		
a	Chia theo loại lao động			
	- Lao động nữ	Người		
	- Lao động trên 35 tuổi	Người		
	- Lao động tham gia BHXH bắt buộc	Người		
	- Lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại	Người		
b	Chia theo vị trí việc làm			

	- Nhà quản lý	Người		
	- Chuyên môn kỹ thuật bậc cao	Người		
	- Chuyên môn kỹ thuật bậc trung	Người		
	- Khác	Người		
c	Chia theo loại hình			
	Doanh nghiệp nhà nước	Người		
	Doanh nghiệp ngoài nhà nước	Người		
	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Người		
	Cơ quan, đơn vị nhà nước	Người		
	Hộ kinh doanh	Người		
	Cá nhân	Người		

III. THÔNG TIN NHU CẦU TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG

1	Tổng số lượng tuyển	Người		
2	Chia theo loại hình			
a	Doanh nghiệp nhà nước	Người		
b	Doanh nghiệp ngoài nhà nước	Người		
c	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Người		
d	Cơ quan, đơn vị nhà nước	Người		
e	Hộ kinh doanh	Người		
g	Cá nhân	Người		
3	Chia theo mã nghề cấp 2			
	Nhà quản lý của các cơ quan Tập đoàn, Tổng công ty và tương đương (chuyên trách)	Người		
	Nhà chuyên môn trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật	Người		
	Nhà chuyên môn về sức khỏe	Người		
	Nhà chuyên môn về giảng dạy	Người		
	Nhà chuyên môn về kinh doanh và quản lý	Người		
	Nhà chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông	Người		
	Nhà chuyên môn về luật pháp, văn hóa, xã hội	Người		
	Kỹ thuật viên khoa học và kỹ thuật	Người		
	Kỹ thuật viên sức khỏe	Người		
	Nhân viên về kinh doanh và quản lý	Người		
	Nhân viên luật pháp, văn hóa, xã hội	Người		
	Kỹ thuật viên thông tin và truyền thông	Người		
	Giáo viên bậc trung	Người		
	Nhân viên tổng hợp và nhân viên làm các công việc bàn giấy	Người		
	Nhân viên dịch vụ khách hàng	Người		
	Nhân viên ghi chép số liệu và vật liệu	Người		
	Nhân viên hỗ trợ văn phòng khác	Người		

	Nhân viên dịch vụ cá nhân	Người		
	Nhân viên bán hàng	Người		
	Nhân viên chăm sóc cá nhân	Người		
	Nhân viên dịch vụ bảo vệ	Người		
	Lao động có kỹ năng trong nông nghiệp có sản phẩm chủ yếu để bán	Người		
	Lao động có kỹ năng trong lâm nghiệp, thủy sản và săn bắn có sản phẩm chủ yếu để bán	Người		
	Lao động tự cung tự cấp trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Người		
	Lao động xây dựng và lao động có liên quan đến nghề xây dựng (trừ thợ điện)	Người		
	Thợ luyện kim, cơ khí và thợ có liên quan	Người		
	Thợ thủ công và thợ liên quan đến in	Người		
	Thợ điện và thợ điện tử	Người		
	Thợ chế biến thực phẩm, gia công gỗ, may mặc, đồ thủ công và thợ có liên quan khác	Người		
	Thợ vận hành máy móc và thiết bị	Người		
	Thợ lắp ráp	Người		
	Lái xe và thợ vận hành thiết bị chuyên động	Người		
	Người quét dọn và giúp việc	Người		
	Lao động giản đơn trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Người		
	Lao động trong ngành khai khoáng, xây dựng, công nghiệp chế biến, chế tạo và giao thông vận tải	Người		
	Người phụ giúp chuẩn bị thực phẩm	Người		
	Lao động trên đường phố và lao động có liên quan đến bán hàng	Người		
	Người thu dọn vật thải và lao động giản đơn khác	Người		
IV. THÔNG TIN NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC				
1	Tổng số	Người		
2	Chia theo vị trí công việc			
a	Nhà quản lý	Người		
b	Giám đốc điều hành	Người		
c	Chuyên gia	Người		
d	Lao động kỹ thuật	Người		

[illegible]

Xã/ Phường/ thị trấn:.....

BIỂU TỔNG HỢP THÔNG TIN CUNG LAO ĐỘNG CẤP XÃ

Mẫu số 4b

Kính gửi: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội...

TT	Tên thôn/tổ	Tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên	Trong đó		Đối với người có việc làm														Đối với người thất nghiệp										Đối với người không tham gia hoạt động kinh tế										
			Nữ	Dân tộc	Tổng số lao động có việc làm	Trong đó: Thành thị	Trình độ chuyên môn kỹ thuật									Vị thế công việc				Tổng số thất nghiệp	Trong đó: Thành thị	Trình độ chuyên môn kỹ thuật									Thời gian thất nghiệp			Tổng số	Chia ra				
							Chưa qua đào tạo	CNKT không bằng	Chỉng chỉ nghề dưới 3 tháng	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên đại học	Chỉ cơ sở sản xuất kinh doanh	Tự làm (*)	Lao động gia đình (**)	Làm công ăn lương	Chưa qua đào tạo			CNKT không bằng	Chỉng chỉ nghề dưới 3 tháng	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên đại học	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 1 năm	Trên 1 năm	Đi học	Hưu trí		Nội trợ	Khuyết tật	Khác		
A	B	1=(4+18+31)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36		
	Công	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
	Thôn A																																						
	Thôn B																																						

Chú thích:

(*) Tự làm: là những người làm việc cho chính họ thay vì làm việc thuê cho những ông chủ khác để nhận tiền lương, tiền công.
(**) Lao động gia đình: là những người tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh do chính thành viên trong gia đình mình tổ chức và không được nhận tiền lương tiền công.

Nhu cầu đào tạo		Nhu cầu tìm việc làm								
Chia theo đối tượng	Tổng số	37	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó thành thị	38	0	0	0	0	0	0	0	0
	Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng	39	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sơ cấp	40	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung cấp	41	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cao đẳng	42	0	0	0	0	0	0	0	0
	Đại học	43	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tên đại học	44	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	46	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó thành thị	47	0	0	0	0	0	0	0	0
	Việc làm trong tỉnh	48	0	0	0	0	0	0	0	0
	Việc làm ngoài tỉnh	49	0	0	0	0	0	0	0	0
	Việc làm ngoài nước	50	0	0	0	0	0	0	0	0

Huyện/thành phố:.....

BIỂU TỔNG HỢP THÔNG TIN CUNG LAO ĐỘNG CẤP HUYỆN

Mẫu số 4c

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lạng Sơn

TT	Tên Xã/ phường/ thị trấn	Tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên	Trong đó		Tổng số lao động có việc làm	Trong đó: Thành thị	Trình độ chuyên môn kỹ thuật									Vị thế công việc				Tổng số thất nghiệp	Trong đó: Thành thị	Trình độ chuyên môn				
			Nữ	Dân tộc			Chưa qua đào tạo	CNKT không bằng	Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Tiên đại học	Chỉ cơ sở sản xuất kinh doanh	Tự làm (*)	Lao động gia đình (**)	Làm công ăn lương								
A	B	1=(4+18+ 31)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Cộng																									
	Xã A																									
	Xã B																									

Chú thích:

(*) Tự làm: là những người làm việc cho chính họ thay vì làm việc thuê cho những ông chủ khác để nhận tiền lương, tiền công.
(**) Lao động gia đình: là những người tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh do chính thành viên trong gia đình mình tổ chức và không được nhận tiền lương tiền công.

BIỂU TỔNG HỢP THÔNG TIN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG, NHU CẦU TUYỂN DỤNG CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

ĐVT: người.

TT	Tên Người sử dụng lao động	Tình hình sử dụng lao động của người sử dụng lao động												Số lao động chia theo Vị trí việc làm				Thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động*	
		Số lao động chia theo loại hình doanh nghiệp								Số lao động chia theo loại hình lao động									
		Tổng số lao động	Doanh nghiệp Nhà nước	Doanh nghiệp ngoài nhà nước	DN có vốn đầu tư nước ngoài	Cơ quan, đơn vị Nhà nước	Hộ kinh doanh	Hợp tác xã	Cá nhân	Lao động Nữ	lao động trên 35 tuổi	Lao động tham gia BHXH bắt buộc	- Lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại	Nhà quản lý	Chuyên môn kỹ thuật bậc cao	Chuyên môn kỹ thuật bậc trung	Khác		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18

(*) Chú thích: Đơn vị có nhu cầu sử dụng lao động ở mã nghề nào thì đánh mã số, ghi số lượng theo bảng thống kê số 5b

BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG THEO MÃ NGHỀ CẤP 2

Tên gọi nghề nghiệp	Mã nghề	Nhu cầu tuyển dụng	
		Tổng số	LĐ nữ
Nhà quản lý của các cơ quan Tập đoàn, Tổng công ty và tương đương (chuyên trách)	17		
Nhà chuyên môn trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật	21		
Nhà chuyên môn về sức khỏe	22		
Nhà chuyên môn về giảng dạy	23		
Nhà chuyên môn về kinh doanh và quản lý	24		
Nhà chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông	25		
Nhà chuyên môn về luật pháp, văn hóa, xã hội	26		
Kỹ thuật viên khoa học và kỹ thuật	31		
Kỹ thuật viên sức khỏe	32		
Nhân viên về kinh doanh và quản lý	33		
Nhân viên luật pháp, văn hóa, xã hội	34		
Kỹ thuật viên thông tin và truyền thông	35		
Giáo viên bậc trung	36		
Nhân viên tổng hợp và nhân viên làm các công việc bàn giấy	41		
Nhân viên dịch vụ khách hàng	42		
Nhân viên ghi chép số liệu và vật liệu	43		
Nhân viên hỗ trợ văn phòng khác	44		
Nhân viên dịch vụ cá nhân	51		
Nhân viên bán hàng	52		
Nhân viên chăm sóc cá nhân	53		
Nhân viên dịch vụ bảo vệ	54		
Lao động có kỹ năng trong nông nghiệp có sản phẩm chủ yếu để bán	61		
Lao động có kỹ năng trong lâm nghiệp, thủy sản và săn bắn có sản phẩm chủ yếu để	62		
Lao động tự cung tự cấp trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	63		
Lao động xây dựng và lao động có liên quan đến nghề xây dựng (trừ thợ điện)	71		
Thợ luyện kim, cơ khí và thợ có liên quan	72		
Thợ thủ công và thợ liên quan đến in	73		
Thợ điện và thợ điện tử	74		
Thợ chế biến thực phẩm, gia công gỗ, may mặc, đồ thủ công và thợ có liên quan khác	75		
Thợ vận hành máy móc và thiết bị	81		
Thợ lắp ráp	82		
Lái xe và thợ vận hành thiết bị chuyên động	83		
Người quét dọn và giúp việc	91		
Lao động giản đơn trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	92		
Lao động trong ngành khai khoáng, xây dựng, công nghiệp chế biến, chế tạo và giao	93		
Người phụ giúp chuẩn bị thực phẩm	94		
Lao động trên đường phố và lao động có liên quan đến bán hàng	95		
Người thu dọn vật thải và lao động giản đơn khác	96		